

Số: 03/2024/QĐ-UBND

Bắc Kạn, ngày 12 tháng 4 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành quy định một số nội dung về quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung
một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định 15/2021/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2021 của Chính
phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 16/2022/NĐ-CP ngày 28 tháng 01 năm 2022 của
Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về xây dựng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định một số nội dung về
quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 22 tháng 4 năm 2024.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Xây dựng;
Giám đốc, Thủ trưởng các sở, ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các
huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn; tổ chức, cá
nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Vụ PC - Bộ Xây dựng;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Như Điều 3 (t/h);
- TT Tỉnh ủy;
- TT HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- LĐVP;
- TT Công báo- tin học;
- Lưu: VT, Thắng, Hòa (NCPC).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Nguyễn Đăng Bình

QUY ĐỊNH

Một số nội dung về quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 03/2024/QĐ-UBND ngày 12 tháng 4 năm 2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy định này quy định về quản lý trật tự xây dựng; phân công, phân cấp quản lý trật tự xây dựng và tiếp nhận thông báo thời điểm khởi công xây dựng hoặc thông báo thời điểm khởi công xây dựng kèm hồ sơ thiết kế xây dựng công trình; trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Sở Xây dựng; Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh; các sở, ban, ngành cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố (gọi tắt là Ủy ban nhân dân cấp huyện); Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn (gọi tắt là Ủy ban nhân dân cấp xã); các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong lĩnh vực quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.

Điều 3. Quy định chung trong công tác quản lý trật tự xây dựng

1. Các công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh (trừ các công trình thuộc bí mật nhà nước theo quy định) phải được kiểm tra, giám sát thường xuyên từ khi tiếp nhận thông báo khởi công hoặc khởi công xây dựng công trình cho đến khi hoàn thành và đưa vào sử dụng. Các hành vi vi phạm trật tự xây dựng phải được phát hiện, ngăn chặn và xử lý kịp thời, đảm bảo đúng trình tự, thủ tục. Mọi hậu quả do vi phạm hành chính gây ra phải được khắc phục theo quy định của pháp luật.

2. Mọi thông tin phản ánh về công trình vi phạm trật tự xây dựng phải được tiếp nhận, kiểm tra, xử lý kịp thời và thông báo kết quả xử lý theo quy định của pháp luật.

3. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong quá trình phối hợp chặt chẽ, đồng bộ, đúng chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định của pháp luật, bảo đảm không chồng chéo, không đùn đẩy, né tránh trách nhiệm trong hoạt động kiểm tra, xử lý vi phạm.

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 4. Phân công trách nhiệm quản lý trật tự xây dựng và tiếp nhận thông báo khởi công kèm theo hồ sơ thiết kế xây dựng

1. Sở Xây dựng

a) Quản lý trật tự xây dựng đối với các công trình: Công trình xây dựng thuộc dự án do Thủ trưởng các cơ quan Trung ương quyết định đầu tư trên địa bàn tỉnh; Công trình xây dựng thuộc dự án đầu tư xây dựng do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định đầu tư; Công trình xây dựng thuộc dự án do Sở Xây dựng cấp phép xây dựng; Công trình xây dựng thuộc dự án (có quy mô từ cấp II trở lên) do Bộ Xây dựng hoặc Sở Xây dựng thẩm định thiết kế xây dựng thuộc trường hợp đủ điều kiện được miễn giấy phép xây dựng theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 89 của Luật Xây dựng năm 2014, đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 30 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020 (viết tắt là Luật Xây dựng năm 2014 (sửa đổi)); Công trình xây dựng nằm trên hai địa giới hành chính cấp huyện trở lên;

b) Tiếp nhận thông báo khởi công kèm theo hồ sơ thiết kế xây dựng tất cả các công trình xây dựng tại điểm a khoản 1 Điều này theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 106, điểm e khoản 1 Điều 107 Luật Xây dựng năm 2014 (sửa đổi).

Trường hợp công trình thuộc đối tượng miễn giấy phép xây dựng theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 89 của Luật Xây dựng năm 2014 (sửa đổi): Tiếp nhận thông báo khởi công xây dựng theo quy định kèm theo hồ sơ thiết kế xây dựng và các hồ sơ, giấy tờ chứng minh việc đáp ứng điều kiện về cấp giấy phép xây dựng.

2. Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh

a) Quản lý trật tự xây dựng đối với các công trình: Công trình xây dựng do Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh cấp giấy phép xây dựng; Công trình thuộc dự án đầu tư xây dựng trong phạm vi các khu công nghiệp do Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh quản lý.

b) Tiếp nhận thông báo khởi công kèm theo hồ sơ thiết kế xây dựng tất cả các công trình xây dựng tại điểm a khoản 2 Điều này theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 106, điểm e khoản 1 Điều 107 Luật Xây dựng năm 2014 (sửa đổi).

Trường hợp công trình thuộc đối tượng miễn giấy phép xây dựng theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 89 của Luật Xây dựng năm 2014 (sửa đổi): Tiếp nhận thông báo khởi công xây dựng theo quy định kèm theo hồ sơ thiết kế xây

dựng và các hồ sơ, giấy tờ chứng minh việc đáp ứng điều kiện về cấp giấy phép xây dựng.

Điều 5. Phân cấp quản lý trật tự xây dựng và tiếp nhận thông báo khởi công kèm theo hồ sơ thiết kế xây dựng

1. Ủy ban nhân dân cấp huyện

a) Quản lý trật tự xây dựng đối với các công trình: Công trình xây dựng thuộc dự án, nhà ở riêng lẻ do Ủy ban nhân dân cấp huyện cấp giấy phép xây dựng; Công trình xây dựng thuộc dự án do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định đầu tư; Công trình xây dựng thuộc dự án (có quy mô từ cấp III trở xuống) do Sở Xây dựng hoặc cơ quan chuyên môn được giao quản lý xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện thẩm định thiết kế xây dựng thuộc trường hợp đủ điều kiện được miễn giấy phép xây dựng theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 89 của Luật Xây dựng năm 2014 (sửa đổi); Công trình xây dựng được miễn giấy phép xây dựng theo quy định tại điểm c, d, đ và e khoản 2 Điều 89 Luật Xây dựng năm 2014 (sửa đổi); Nhà ở riêng lẻ được miễn giấy phép xây dựng theo quy định tại điểm h khoản 2 Điều 89 Luật Xây dựng năm 2014 (sửa đổi); Công trình xây dựng, nhà ở riêng lẻ nằm trên hai địa giới hành chính cấp xã trở lên.

b) Tiếp nhận thông báo khởi công kèm theo hồ sơ thiết kế xây dựng tất cả các công trình theo phân cấp tại điểm a khoản 1 Điều này theo quy định, trừ nhà ở riêng lẻ quy định tại khoản 2 Điều 107 Luật Xây dựng năm 2014.

Trường hợp công trình xây dựng thuộc đối tượng miễn giấy phép xây dựng theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 89 Luật Xây dựng năm 2014 (sửa đổi): Tiếp nhận thông báo khởi công theo quy định kèm theo hồ sơ thiết kế xây dựng và các hồ sơ, giấy tờ chứng minh việc đáp ứng điều kiện về cấp giấy phép xây dựng.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã

a) Quản lý trật tự xây dựng đối với các công trình: Công trình xây dựng thuộc dự án do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định đầu tư; Công trình xây dựng cấp IV, nhà ở riêng lẻ ở nông thôn thuộc đối tượng được miễn giấy phép xây dựng theo quy định tại điểm i khoản 2 Điều 89 Luật Xây dựng năm 2014 (sửa đổi).

b) Tiếp nhận thông báo khởi công kèm theo hồ sơ thiết kế xây dựng tất cả các công trình theo phân cấp quy định tại điểm a khoản 2 Điều này, trừ nhà ở riêng lẻ quy định tại điểm i khoản 2 Điều 89 Luật Xây dựng năm 2014 (sửa đổi).

Trường hợp công trình xây dựng thuộc đối tượng miễn giấy phép xây dựng theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 89 Luật Xây dựng năm 2014 (sửa đổi): tiếp nhận thông báo khởi công kèm theo hồ sơ thiết kế xây dựng và các hồ sơ,

giấy tờ chứng minh việc đáp ứng điều kiện về cấp giấy phép xây dựng.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 6. Trách nhiệm quản lý trật tự xây dựng

1. Sở Xây dựng

a) Giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn theo quy định tại khoản 4 Điều 56 của Nghị định số 15/2021/NĐ-CP và chịu trách nhiệm theo nhiệm vụ được phân công trước Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn tỉnh.

b) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo chung công tác quản lý nhà nước về trật tự xây dựng trên địa bàn tỉnh; theo dõi tình hình trật tự xây dựng trên địa bàn tỉnh, báo cáo và đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh những biện pháp chấn chỉnh, khắc phục kịp thời.

c) Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành thuộc tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện xây dựng nội dung tuyên truyền, hướng dẫn các tổ chức, cá nhân chấp hành quy định của pháp luật về trật tự xây dựng trên địa bàn.

d) Đôn đốc, hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện trách nhiệm quản lý trật tự xây dựng theo phân cấp; đề nghị Ủy ban nhân dân cấp huyện kiểm tra, xử lý vi phạm trật tự xây dựng trên địa bàn khi tiếp nhận thông tin phản ánh của tổ chức và cá nhân, báo chí hoặc phát hiện trong quá trình giải quyết đơn thư phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo.

đ) Xây dựng kế hoạch và tổ chức thanh tra, kiểm tra trách nhiệm trong công tác quản lý trật tự xây dựng đối với Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã; tổ chức kiểm tra, xử lý hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý vi phạm trật tự xây dựng theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh.

e) Thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp huyện về các trường hợp vi phạm trật tự xây dựng trên địa bàn để thực hiện kiểm tra, xử lý theo thẩm quyền; đồng thời, đôn đốc việc xử lý các trường hợp vi phạm.

g) Tổ chức thanh tra, kiểm tra đối với các công trình có dấu hiệu vi phạm trật tự xây dựng thuộc thẩm quyền kiểm tra, xử lý của Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh nhưng không tổ chức kiểm tra, xử lý sau khi Sở Xây dựng đã có văn bản đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, Trưởng ban Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh tổ chức kiểm tra theo thẩm quyền. Đồng thời, kiến nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, xử lý trách nhiệm đối với tổ chức, cá nhân có liên quan buông lỏng quản lý, thiếu tinh

thần trách nhiệm trong thực thi công vụ để xảy ra vi phạm trật tự xây dựng nhưng không được kiểm tra, xử lý theo quy định.

2. Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh

a) Chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh trong quản lý nhà nước về xây dựng tại các khu công nghiệp thuộc phạm vi quản lý.

b) Tổ chức kiểm tra tất cả các dự án, công trình xây dựng trong các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh nhằm phát hiện, ngăn chặn các hành vi vi phạm trật tự xây dựng tại các dự án, công trình xây dựng. Cung cấp đầy đủ các thông tin, tài liệu, hồ sơ liên quan của các hành vi vi phạm trật tự xây dựng đến cơ quan có thẩm quyền để phối hợp củng cố hồ sơ, đề xuất người có thẩm quyền xử lý vi phạm theo quy định.

c) Kịp thời tổ chức kiểm tra công trình xây dựng trong các Khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh có dấu hiệu vi phạm trật tự xây dựng và thông báo kết quả kiểm tra khi nhận được văn bản đề nghị của Sở Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp huyện.

d) Cung cấp kịp thời, đầy đủ, chính xác các thông tin, tài liệu liên quan đến công tác quản lý trật tự xây dựng theo đề nghị của Sở Xây dựng, để phục vụ cho hoạt động thanh tra, kiểm tra chuyên ngành.

3. Các cơ quan, đơn vị liên quan

a) Sở Tài nguyên và Môi trường; Sở Giao thông vận tải; Sở Công Thương; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; các sở, ban, ngành liên quan căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ phối hợp Sở Xây dựng, Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã trong việc kiểm tra, xử lý các trường hợp xây dựng công trình không đúng mục đích sử dụng đất; vi phạm hành lang an toàn giao thông; năng lượng; công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn; khu bảo vệ di tích lịch sử - văn hóa; an toàn nguồn nước và các hành vi vi phạm khác có liên quan thuộc thẩm quyền quản lý.

b) Sở Thông tin và Truyền thông phối hợp Sở Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp huyện tuyên truyền, nâng cao ý thức, nhận thức của Nhân dân trong việc thực hiện pháp luật về xây dựng và trật tự xây dựng; tuyên truyền vận động Nhân dân tham gia giám sát, phát hiện, phản ánh để xử lý kịp thời các hành vi vi phạm trật tự xây dựng, góp phần thực hiện nghiêm pháp luật về trật tự xây dựng trên địa bàn tỉnh.

c) Công an tỉnh chỉ đạo Công an cấp huyện, cấp xã tổ chức công tác bảo đảm an ninh trật tự trong quá trình thi hành quyết định cưỡng chế, thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính về trật tự xây dựng của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp hoặc các quyết định cưỡng chế của người có thẩm quyền khác khi có yêu cầu; phối hợp, giải quyết những kiến nghị do Sở Xây dựng, Ủy

ban nhân dân cấp huyện chuyển đến và trả lời bằng văn bản về việc xử lý kiến nghị theo quy định.

4. Ủy ban nhân dân cấp huyện

a) Chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật, Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về công tác quản lý trật tự xây dựng và tình hình vi phạm trật tự xây dựng trên địa bàn quản lý theo phân cấp.

b) Chủ động đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật về xây dựng bằng nhiều hình thức nhằm nâng cao nhận thức, ý thức chấp hành pháp luật của nhân dân trên địa bàn quản lý.

c) Chỉ đạo, đôn đốc, hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp xã và cơ quan được giao quản lý xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện thường xuyên kiểm tra, giám sát tình hình hoạt động xây dựng trên địa bàn nhằm phát hiện, ngăn chặn và xử lý kịp thời các hành vi vi phạm pháp luật về trật tự xây dựng theo quy định của pháp luật.

d) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện kịp thời ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính theo thẩm quyền hoặc chuyển người có thẩm quyền xem xét xử lý theo quy định trong trường hợp vượt thẩm quyền; chỉ đạo tổ chức thực hiện cưỡng chế phá dỡ công trình vi phạm trật tự xây dựng trên địa bàn theo quy định của pháp luật.

đ) Kiểm tra, đôn đốc và tổ chức thực hiện các kết luận thanh tra, kiểm tra, quyết định xử lý vi phạm trật tự xây dựng, quyết định cưỡng chế xử phạt vi phạm hành chính của cấp thẩm quyền đối với công trình xây dựng trên địa bàn.

5. Ủy ban nhân dân cấp xã

a) Chịu trách nhiệm trước pháp luật, Ủy ban nhân dân huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện về quản lý trật tự xây dựng và tình hình vi phạm trật tự xây dựng đối với tất cả các công trình, nhà ở trên địa bàn quản lý theo phân cấp; kịp thời thông báo, phối hợp cơ quan có thẩm quyền kiểm tra, xử lý vi phạm đối với trường hợp vượt thẩm quyền.

b) Kiểm tra, phát hiện và thông báo kịp thời cho Ủy ban nhân dân cấp huyện, Sở Xây dựng về tình hình khởi công xây dựng các công trình, nhà ở riêng lẻ trên địa bàn (đối với nhà ở riêng lẻ chỉ thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp huyện).

c) Tiếp tục kiểm tra, theo dõi trường hợp công trình, nhà ở riêng lẻ đã bị lập biên bản vi phạm hành chính, yêu cầu chấm dứt hành vi vi phạm mà vẫn tiếp tục thực hiện hành vi vi phạm để xử lý hoặc thông báo cho cơ quan được phân công, phân cấp quản lý trật tự xây dựng để xử lý theo quy định.

d) Chủ trì, phối hợp với cơ quan, đơn vị quản lý trật tự xây dựng cấp huyện, các cơ quan chuyên môn của huyện và các tổ chức trong hệ thống chính trị ở địa phương thực hiện tuyên truyền, phổ biến pháp luật về xây dựng, vận

động và hướng dẫn các tổ chức, cá nhân chấp hành các quy định của pháp luật về trật tự xây dựng trên địa bàn.

đ) Chỉ đạo cán bộ, công chức, viên chức thuộc thẩm quyền được giao nhiệm vụ quản lý trật tự xây dựng thường xuyên kiểm tra, giám sát tình hình hoạt động xây dựng trên địa bàn, kịp thời phát hiện, ngăn chặn và lập hồ sơ xử lý vi phạm về trật tự xây dựng và trình người có thẩm quyền xem xét, xử phạt vi phạm hành chính theo quy định; phối hợp thực hiện cưỡng chế công trình vi phạm trật tự xây dựng trên địa bàn theo quy định của pháp luật.

6. Chủ đầu tư

a) Trước khi khởi công xây dựng công trình cần đảm bảo điều kiện về khởi công theo quy định tại Điều 107 Luật Xây dựng năm 2014, đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 39 Điều 1 Luật Xây dựng năm 2020.

b) Cung cấp hồ sơ giấy phép xây dựng và tài liệu liên quan cho cơ quan có thẩm quyền để kiểm tra, quản lý trật tự xây dựng khi có yêu cầu theo quy định.

c) Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về xây dựng và quy định khác có liên quan đến công trình xây dựng do mình làm chủ đầu tư.

d) Dừng thi công xây dựng công trình vi phạm trật tự xây dựng, chấp hành các yêu cầu trong biên bản vi phạm hành chính hoặc văn bản yêu cầu của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Chấp hành các quyết định xử lý vi phạm trật tự xây dựng của cấp có thẩm quyền; chịu toàn bộ chi phí tổ chức cưỡng chế trong trường hợp bị cưỡng chế thi hành.

7. Nhà thầu thi công

a) Dừng thi công xây dựng công trình vi phạm trật tự xây dựng khi đã bị lập biên bản vi phạm hành chính hoặc khi có thông báo, quyết định xử lý của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

b) Chấp hành nghiêm chỉnh các quyết định xử lý của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; các quy định của pháp luật về xây dựng và các quy định khác có liên quan đến công trình xây dựng.

Điều 7. Điều khoản thi hành

1. Giám đốc Sở Xây dựng; Giám đốc, Thủ trưởng các sở, ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn; các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thực hiện Quy định này.

2. Trong quá trình thực hiện Quy định, nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh về Sở Xây dựng để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.